

TƯ TƯỞNG DÂN SINH VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY Ở VIỆT NAM

LƯƠNG ĐÌNH HẢI*

Dân sinh hạnh phúc là một trong những nội dung cốt lõi, căn bản và là mục tiêu tối hậu của tư tưởng tam dân và của việc hiện thực hóa tư tưởng ấy. Tư tưởng tam dân có ảnh hưởng rất lớn ở Trung Quốc trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XX, đồng thời nó cũng ảnh hưởng đến các tầng lớp trên ở các nước xung quanh Trung Quốc, trong đó có Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một trong những người Việt Nam đầu tiên đã tiếp thu tư tưởng tam dân và cố gắng vận dụng tư tưởng ấy trong thực tế.

Một trong những biểu hiện rõ nét của việc tiếp thu và vận dụng tư tưởng tam dân vào thực tiễn Việt Nam của Hồ Chí Minh là sự kiện đặt quốc hiệu “Việt Nam dân chủ cộng hòa, độc lập - tự do - hạnh phúc” ngay sau khi thành lập nước - ngày 2-9-1945. Độc lập, tự do, hạnh phúc trở thành tôn chỉ, mục tiêu phấn đấu của chính quyền mới, của toàn thể quốc gia dân tộc Việt Nam non trẻ.

Tư tưởng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, cho nhân dân được Hồ Chí Minh diễn đạt một cách cụ thể, chi tiết trong những hoàn cảnh cụ thể ở những năm sau đó (Dân ta ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành,... Không có gì quý hơn độc lập tự do,...). Người luôn cố gắng quán triệt, cố gắng thực hiện tư tưởng ấy vào đời sống thực tiễn hàng ngày của quốc gia, dân tộc. Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, lãnh đạo dân tộc ta tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Hồ Chí Minh luôn ý thức sâu sắc mối quan hệ gắn bó chặt

* PGS.TSKH. Viện Triết học. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

chẽ giữa độc lập, tự do và hạnh phúc. Ở từng giai đoạn lịch sử cụ thể, tương quan giữa các mục tiêu đó có sự thay đổi, phụ thuộc vào điều kiện lịch sử. Xác định đúng tương quan này ở từng thời điểm lịch sử cụ thể và có phương cách giải quyết tốt chính là nghệ thuật và tài năng lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Đầu năm 1945, khi bối cảnh quốc tế và trong nước thay đổi, thời cơ thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc đang đến gần, Hồ Chí Minh xác định: “Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”⁽¹⁾. Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, bên cạnh vấn đề bảo vệ nền độc lập dân tộc, vấn đề dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc đã được Người đặt ra trong những công việc cụ thể hàng ngày. Sự linh hoạt trong việc giải quyết đồng thời cả ba mục tiêu dân tộc, dân sinh, dân quyền trong các công việc cụ thể hàng ngày, trong từng chủ trương chính sách, biện pháp thực hiện là một đòi hỏi tất yếu, đặc biệt là đối với Việt Nam - một dân tộc vừa giành được độc lập dân tộc, chính quyền còn non trẻ.

Sự thành bại trong việc thực hiện mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Từ thực tế lịch sử cách mạng Việt Nam, từ cuộc đời hoạt động của Hồ Chí Minh, có thể rút ra rằng, trong số các yếu tố đó thì việc lựa chọn đúng và thực hiện tốt các giải pháp cụ thể để giải quyết tốt những vấn đề cụ thể ở từng thời điểm của quá trình cách mạng đóng vai trò hết sức to lớn. Việc xác định đúng những vấn đề cấp bách, cụ thể để từ đó tìm ra được các giải pháp thích hợp để triển khai thực hiện trong thực tiễn vừa đòi hỏi ý chí và quyết tâm cách mạng, vừa đòi hỏi có tầm nhìn sâu rộng thông suốt cả ở tầm chiến lược lẫn chiến thuật, cả vĩ mô lẫn vi mô.

Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam đang phấn đấu thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Xét về thực chất, trong nội dung, mục tiêu này là sự tiếp tục mục tiêu độc lập, tự do, hạnh phúc trong bối cảnh độc lập dân tộc đã được thực hiện về căn bản (Độc lập dân tộc bao hàm nội dung rất rộng và phong phú: dân tộc bình đẳng hoàn toàn, độc lập, tự chủ hoàn toàn triệt để, có đầy đủ chủ quyền về mọi mặt, như chính trị, kinh tế, văn hóa, an ninh,..., độc lập trong hòa bình, thịnh vượng, tự do, hạnh phúc và phát triển phồn vinh...). Tuy nhiên, sự kế tục đó vừa là sự kế tiếp, kế thừa, vừa là sự phát triển, sự đòi hỏi ở mức độ cao hơn. Mục tiêu này, có thể nói, tập trung và nhấn mạnh nhiều hơn vào khía cạnh dân sinh hạnh phúc (dĩ nhiên trong nó có cả nội dung dân quyền tự do và dân tộc độc lập) nhưng bao hàm và thể hiện nội dung dân sinh phong phú, đa dạng, nổi bật và rõ ràng hơn. Mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh bao chứa trong nó cả hai khía cạnh, hai góc độ, hay hai lĩnh vực là cá nhân và xã hội trong sự thống nhất gắn bó với nhau. Cá nhân và cộng đồng không thể tách rời nhau trong tiến trình phát triển, trong việc thực hiện dân tộc độc lập, dân quyền tự do

và dân sinh hạnh phúc, lại càng không thể tách rời nhau khi thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tuy nhiên, cũng phải thấy rằng, trong giai đoạn hiện nay phù hợp với những nội dung của thời đại đặt ra do sự phát triển kinh tế - xã hội và bối cảnh chung, những tư tưởng của dân sinh hạnh phúc trước đây đã trở nên chật hẹp và không đầy đủ. Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh chính là một trong những bước phát triển tư tưởng dân sinh hạnh phúc mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay từ ngày đầu thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, cho phù hợp với bối cảnh đất nước trong thời kỳ đổi mới.

Gần đây, một số nhà nghiên cứu cho rằng, đất nước đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế nên nội dung tư tưởng dân sinh cần được mở rộng, bổ sung và phát triển thêm để có thể bao quát hết những đòi hỏi của thực tế phát triển kinh tế, xã hội và định hướng tốt cho các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội, ngoại giao, quân sự. Các nhà nghiên cứu cũng đã đề nghị trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh bằng cách bổ sung thêm vào mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh một mục tiêu nữa là hạnh phúc. Cuộc thảo luận vẫn đang tiếp tục. Nhưng có thể thấy rằng, đề nghị đó không phải không có những căn cứ nhất định. Sau nhiều thập kỷ đấu tranh giành và bảo vệ độc lập, tự do và sau một giai đoạn khó khăn khủng hoảng của đời sống kinh tế, đời sống hạnh phúc, phồn vinh và phát triển trong giai đoạn hiện nay trở nên mạnh mẽ hơn khi đất nước phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Hạnh phúc gắn bó với dân giàu, bổ sung cho dân giàu như là một mục tiêu đầy đủ, trọn vẹn hơn cho từng cá nhân và gia đình. Dân giàu và hạnh phúc cùng với nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đảm bảo sự thống nhất giữa cá nhân và xã hội, gia đình và cộng đồng. Xu hướng cá thể hóa trong hưởng thụ, nghĩa vụ, trách nhiệm là một xu thế chung của sự phát triển xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường. Tuy nhiên, cũng cần thấy rằng, xu hướng ấy không làm giảm bớt hoặc thủ tiêu sự phát triển của cộng đồng và xã hội; trái lại, làm tăng động lực và tốc độ của sự phát triển ấy. Thủ tiêu xu hướng cá thể hóa trong sự phát triển, chỉ nhấn mạnh tính chất tập thể, cộng đồng, hòa tan cá nhân vào tập thể và cộng đồng như trước đây trong thời bao cấp là không thích hợp với phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Chính vì vậy, hạnh phúc phải là một mục tiêu, một tiêu chí để đánh giá sự phát triển của xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh đất nước hiện nay, việc thực hiện mục tiêu dân sinh hạnh phúc với nội hàm bao quát rộng như trên cần được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau. Hiện nay, “*nước ta vẫn đang trong tình trạng kém phát triển*. Kinh tế còn lạc hậu so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, xây dựng hệ thống chính trị, còn nhiều yếu kém”⁽²⁾, cho nên việc thực hiện dân giàu... đương nhiên còn rất hạn chế. Nhanh chóng phát triển kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, tranh thủ cơ hội vượt qua thách thức

là nhiệm vụ trọng tâm cần được thực hiện nhất quán, kiên quyết và ưu tiên hàng đầu. Muốn vậy, cần phải:

1. Nhanh chóng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường để phát triển nhanh và có hiệu quả hơn kinh tế thị trường ở nước ta. Thực tiễn nhiều năm qua và kinh nghiệm của các nước trên thế giới cho thấy, chỉ có thể phát triển kinh tế - xã hội nhanh, năng động và sớm đạt mục tiêu dân giàu, nước mạnh bằng cách phát triển kinh tế thị trường. Việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong hơn hai thập kỷ vừa qua đã làm cho nền kinh tế và đời sống xã hội nói chung trở nên năng động và có tốc độ phát triển cao hơn hẳn so với các thời kỳ trước đây, bộ mặt xã hội thay đổi nhanh chóng. Nhiệm vụ đặt ra hiện nay là phải phát triển đồng bộ các loại thị trường và tạo những điều kiện vĩ mô thuận lợi cho sự hoạt động của cơ chế thị trường, khắc phục và thủ tiêu cơ chế “xin cho” trong những lĩnh vực mà cơ chế thị trường hoạt động có hiệu quả hơn để giải phóng triệt để các nguồn lực cho phát triển. Mặt khác, trong những lĩnh vực mà cơ chế thị trường đã hình thành và phát triển, thực tiễn cho thấy cần phải quản lý có hiệu quả hơn sự vận hành của các lĩnh vực đó, tránh để những sơ hở trong quản lý và mặt trái của kinh tế thị trường gây hậu quả tiêu cực cho đời sống kinh tế - xã hội đất nước.

Dĩ nhiên, để quản lý nền kinh tế thị trường có hiệu quả và khắc phục những mặt trái của nó lại phải nâng cao vai trò và hiệu lực quản lý của Nhà nước. Trước hết, Nhà nước phải đảm bảo bằng được tính bền vững tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, tham gia và hỗ trợ việc xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và hệ thống an sinh xã hội để có thể hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực cả từ bên ngoài đến lẫn nảy sinh từ bên trong. Đồng thời, chỉ có bàn tay của Nhà nước mới có thể tạo ra được môi trường pháp lý, cơ chế, chính sách thuận lợi nhằm giải phóng và phát huy các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh, minh bạch, có trật tự kỷ cương, nhân văn và công bằng.

Mặt khác, thực tiễn phát triển kinh tế những năm vừa qua cho thấy, Nhà nước cần tiếp tục giảm thiểu tối đa sự can thiệp hành chính, mệnh lệnh vào các hoạt động của thị trường và của các doanh nghiệp. Cần phải dứt khoát và kiên quyết tách chức năng quản lý hành chính của Nhà nước ra khỏi chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, triệt để xóa bỏ “chế độ chủ quản”. Điều này đã được Chính phủ chú ý triển khai khá kiên quyết và mạnh mẽ, nhưng tình trạng “chế độ chủ quản” và sự “nhập nhằng” giữa hai loại chức năng nói trên vẫn còn tồn tại và gây ảnh hưởng tiêu cực đến sản xuất và đời sống. Nếu không có những bước đi dứt khoát hơn, mạnh mẽ hơn và triệt để hơn, sự phát triển kinh tế thị trường ở nước ta sẽ bị kìm hãm, tốc độ phát triển không nhanh, gây ảnh hưởng đến các mặt khác của đời sống xã hội.

Để đảm bảo cho sự phát triển của kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay cũng cần phải tách hệ thống cơ quan hành chính công khỏi hệ thống các cơ quan sự

nghiệp. Hai hệ thống này có chức năng, nhiệm vụ, vai trò khác nhau đối với nền kinh tế và đời sống xã hội. Trong cơ chế quản lý hành chính quan liêu bao cấp trước đây, hai hệ thống ấy được nhập làm một, công chức và viên chức được xem là một; do vậy, các lĩnh vực dịch vụ công cộng, như giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, thể dục thể thao... bị coi là lĩnh vực hành chính, khiến cho chúng bị kìm hãm hoặc phát triển lệch lạc trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay. Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến sự vận động và phát triển của xã hội và của chính các lĩnh vực đó. Thực tế của công tác nghiên cứu khoa học ở các viện nghiên cứu cho chúng ta thấy rõ tác hại của cơ chế này. Trước mắt, cần phải tách biệt hai hệ thống cơ quan nói trên, *một mặt*, là để thực hiện tách chức năng quản lý hành chính nhà nước ra khỏi chức năng quản lý dịch vụ công cộng như một loại hình kinh doanh dịch vụ nhằm giảm thiểu sự can thiệp hành chính của nhà nước. *Mặt khác*, để tạo lập và phát triển các quan hệ thị trường trong các lĩnh vực dịch vụ công cộng nói trên, cần chấm dứt cơ chế “xin cho” trong các lĩnh vực này. Chúng ta sẽ không thể tạo lập và cũng không thể phát triển thị trường khoa học công nghệ nếu cơ chế “xin cho” vẫn còn tồn tại dai dẳng, vẫn chưa dứt khoát chuyển khoa học công nghệ ra khỏi khu vực hành chính sự nghiệp và đưa vào khu vực dịch vụ công.

Một nội dung khác của giải pháp hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay là phải đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ và hệ thống ngân hàng. Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 - 1998 ở khu vực Đông Nam Á và cuộc khủng hoảng tài chính ngân hàng hiện nay trên thế giới càng cho chúng ta thấy tính cấp bách của việc đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ và hệ thống ngân hàng. Hiện nay, có hàng loạt yếu tố và hiện tượng cho thấy hệ thống tài chính, ngân hàng của nước ta đang bị nhiều rủi ro đe dọa. Sự tụt dốc của thị trường chứng khoán, chỉ số lạm phát gần 30% trong nhiều tháng qua, lãi suất ngân hàng cao hơn mức chịu đựng của các doanh nghiệp, những thủ tục hành chính phức tạp và nhiều khe trong lĩnh vực này cũng như sự xuất hiện quá ô ạt, thiếu quy hoạch của nhiều ngân hàng mới trong thời gian qua, tình trạng nợ xấu khá trầm trọng, v.v. đang chứng tỏ hệ thống ngân hàng của chúng ta trở nên đuối sức trong cuộc cạnh tranh ngay tại sân nhà và trước những thách đố của toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế. Tình trạng ấy làm cho sức mạnh của nền kinh tế quốc gia bị giảm sút nghiêm trọng. Cần khẩn trương đổi mới chính sách tài chính, tiền tệ và hệ thống ngân hàng để tạo môi trường vĩ mô thuận lợi cho sự phát triển của kinh tế thị trường, cho việc tạo lập và phát triển các lĩnh vực thị trường đồng bộ và tuân thủ các quy luật thị trường.

Thêm nữa, để phát triển kinh tế thị trường không thể chỉ thúc đẩy mở rộng và thực thi các quan hệ thị trường trong tất cả các lĩnh vực, các vùng miền là đủ. Trong điều kiện nước ta hiện nay và thực tiễn phát triển những năm qua cho thấy, việc định hướng và quy hoạch phát triển kinh tế thị trường của chúng ta vẫn rất yếu. Để phát triển kinh tế nói chung, kinh tế thị trường nói riêng, việc định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, kế hoạch, quy hoạch, cơ chế

chính sách với tầm nhìn xa, sâu sắc và chuyên nghiệp là rất cần thiết, nhưng còn phải dựa trên cơ sở tính đến các quy luật phát triển xã hội, các quy luật của thị trường cũng như bối cảnh hội nhập quốc tế và những lợi thế của đất nước, con người và thời đại.

Vấn đề then chốt trong quy hoạch, kế hoạch và chính sách là định hướng đúng xu thế phát triển và diễn biến của thời cuộc, có thể tận dụng và phát huy tối đa mọi nguồn lực và lợi thế để phát triển kinh tế, xã hội. Giải phóng được mọi nguồn lực và sử dụng chúng một cách tiết kiệm để đạt được mục tiêu dân sinh nói trên là điều có ý nghĩa sống còn đối với việc định hướng, quy hoạch, kế hoạch và chính sách. Điều hành vĩ mô của nhà nước được thực hiện thông qua các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách và định hướng phát triển. Nhà nước sẽ mạnh, dù số lượng biên chế của nó không nhiều, nếu việc điều hành thỏa mãn được yêu cầu đó. Ngược lại, bộ máy nhà nước dù lớn đến đâu nhưng việc điều hành không đúng yêu cầu thì nó không phải là một nhà nước mạnh.

Nội dung quan trọng khác của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường nhằm thực hiện mục tiêu dân sinh trong giai đoạn hiện nay ở nước ta là tập trung mọi nguồn lực phát triển mạnh các thành phần kinh tế và các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh. Tư tưởng cho rằng các thành phần kinh tế: nhà nước, tập thể, tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), tư bản nhà nước, đầu tư nước ngoài đều là những bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là rất đúng đắn. Có thể xem đây là một đột phá về mặt quan điểm rất căn bản. Tư tưởng đó đưa đến hệ quả là các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân, đều bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Tuy nhiên, những tư tưởng ấy trong thực tiễn lại chưa được thực thi một cách nhất quán, dứt khoát, triệt để và mạnh mẽ. Sự phân biệt, định kiến với khu vực tư nhân vẫn còn khá rõ nét. Chính vì vậy, xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu sẽ gạt bỏ bớt vật cản trên con đường phát triển kinh tế thị trường. Hơn thế, cần phải tiến thêm một bước nữa bằng việc xem kinh tế tư nhân cũng là một động lực cơ bản của nền kinh tế.

Đáng tiếc là cho đến nay, chúng ta vẫn chưa có một chiến lược phát triển doanh nghiệp đúng tâm, đáp ứng được đòi hỏi của sự phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Bởi vậy, việc đổi mới hệ thống doanh nghiệp vẫn lúng túng, dường như chưa tìm ra lối thoát, hướng đổi mới doanh nghiệp chưa được xác định rõ ràng, quá trình diễn ra chậm chạp và kém hiệu quả, hệ thống doanh nghiệp tư nhân đang phát triển theo xu hướng tự phát, không có quy hoạch giống như nấm mọc sau mưa, khi nắng lên lại lụi dần hàng loạt. Kinh tế tư bản nhà nước phát triển ồ ạt, còn kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đang chiếm thế thượng phong với những ưu đãi và cả những cede, sợ sệt, sùng bái của các cấp, các ngành. Nếu không có chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp phù hợp, có thể sau mười năm, hai mươi năm nữa, các doanh nghiệp tư nhân sẽ là

những vệ tinh nhỏ của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và khi đó, dù muốn hay không, thì động lực chính của nền kinh tế quốc gia là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Động lực ấy có thể quyết định đẩy nền kinh tế đi theo hướng nào và với tốc độ phát triển ra sao.

Vấn đề quan trọng hiện nay là phải nhanh chóng, quyết liệt, mạnh mẽ và dứt khoát xóa bỏ mọi rào cản, mọi sự phân biệt đối xử, tạo tâm lý xã hội và môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng thực sự cho các loại hình doanh nghiệp tư nhân phát triển trong mọi lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm. Sắp xếp, quy hoạch và định hướng các doanh nghiệp tư nhân phát triển theo chiến lược quốc gia để kinh tế tư nhân mạnh dần lên và đủ sức thay thế các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Điều đó sẽ đảm bảo cho nền độc lập tự chủ, tự do của dân tộc, mới có thể đảm bảo dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hạnh phúc lâu bền.

2. Giải pháp thứ hai là phải đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển kinh tế tri thức. Vấn đề đặt ra ở đây là phải đẩy nhanh chứ không chỉ là đẩy mạnh. Đẩy mạnh chưa hẳn đã phát triển nhanh còn phát triển nhanh có thể cần đẩy mạnh lúc này mà không cần đẩy mạnh lúc khác, có thể chỗ này cần đẩy mạnh chỗ kia lại chỉ cần đẩy nhẹ mà vẫn phát triển nhanh. Yêu cầu đặt ra là làm sao để phát triển nhanh nhưng bền vững, do đó cần chú trọng đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo hướng phát triển kinh tế tri thức. Đây cũng chính là cách để chúng ta phát triển “rút ngắn”, khắc phục nguy cơ tụt hậu ngày càng xa so với các nước phát triển cao.

Đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng phải hướng đến kinh tế tri thức, bởi đó là xu hướng phát triển của thế giới. Nếu không có định hướng như vậy, nền kinh tế của chúng ta sẽ không thể phát triển rút ngắn và càng không thể tránh được những bước đi không cần thiết mà trước đây các nước phát triển đã phải trải qua. Bối cảnh quốc tế hiện nay đang tạo ra những cơ hội thuận lợi cho việc định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vào kinh tế tri thức. Nếu tận dụng được tiềm năng và lợi thế của đất nước, có chiến lược quốc gia phát triển các doanh nghiệp đúng đắn, thực hiện tốt giải pháp phát triển kinh tế thị trường thì việc đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mới có thể thực hiện được.

Về phương diện tư tưởng, hiện đã đến lúc cần phải mở rộng nội dung hiện đại hóa vượt khỏi phạm vi kỹ thuật và công nghiệp để đi vào lĩnh vực xã hội. Nếu ở nông thôn công nghiệp hóa và hiện đại hóa chỉ dừng lại ở việc đưa công nghiệp hiện đại vào nông nghiệp và nông thôn thì xã hội không thể phát triển nhanh được. Thậm chí, nếu không hiện đại hóa xã hội thì việc tiếp nhận công nghiệp với các sản phẩm kỹ thuật công nghệ cao cũng gặp nhiều khó khăn. Nếu không có những con người hiện đại và một xã hội hiện đại tương ứng thì công nghệ và kỹ thuật hiện đại chỉ là những thứ xa xỉ phẩm để trưng bày mà không thể sử dụng được. Bởi vậy, việc hiện đại hóa xã hội trong giai đoạn hiện nay cần được nhận thức đầy đủ và đặt ra như một nhiệm vụ song song với nhiệm vụ

công nghiệp hóa, hiện đại hóa kỹ thuật và công nghiệp. Hơn thế, phải xem hiện đại hóa xã hội là một nhiệm vụ cần được thực hiện trước một bước. Bởi vậy, có thể và cần thiết phải diễn đạt giải pháp này bằng mệnh đề mới là đẩy nhanh hiện đại hóa xã hội và công nghiệp hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức.

Ở một số nước trên thế giới, kinh tế tri thức đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc dân và là động lực then chốt thúc đẩy sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt của đời sống xã hội. Kinh tế tri thức trở thành một trong những định hướng phát triển chính của kinh tế thế giới trong điều kiện toàn cầu hóa. Hướng đến kinh tế tri thức là một tất yếu do đòi hỏi của sự phát triển của các nước phát triển sau. Để thực hiện điều đó, công nghiệp hóa phải chú trọng phát triển mạnh các ngành, các sản phẩm hàng hóa có giá trị gia tăng cao dựa trên nền tảng thông tin tri thức tiên tiến, hiện đại của nhân loại, phải trang bị các công nghệ tiên tiến cho nền kinh tế, nâng cao năng lực nắm bắt và sử dụng các công nghệ cao của đội ngũ trí thức và công nhân chuyên nghiệp. Nhưng muốn vậy, phải đào tạo được đội ngũ trí thức và công nhân công nghệ cao. Để làm việc này đòi hỏi phải đổi mới, phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nói chung cùng với việc phát triển khoa học và công nghệ. Đây là cả một hệ thống những giải pháp gắn chặt với nhau trong một tổng thể không thể chia tách, đòi hỏi phải áp dụng đồng thời, đồng bộ.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa xã hội đòi hỏi phải cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, đồng thời phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước ở từng thời kỳ cụ thể. Cơ cấu kinh tế hiện đại, phù hợp theo cả ngành, lĩnh vực và lãnh thổ. Đây là công việc thường xuyên, ở từng thời kỳ phát triển đòi hỏi phải tái cơ cấu lại các ngành, nghề, lĩnh vực, vùng lãnh thổ có chú ý đến xu thế phát triển của kinh tế thế giới, khai thác tối đa các lợi thế của đất nước. Việc tái cơ cấu nền kinh tế cũng gắn chặt với việc quy hoạch, kế hoạch, chính sách và định hướng phát triển cũng như bảo đảm tính bền vững và tích cực của các cân đối kinh tế vĩ mô, kết cấu hạ tầng kinh tế... Do vậy, cần phải xem xét cơ cấu kinh tế không phải là một cái gì đó bất biến, cố định trong suốt thời gian dài và giống nhau ở mọi vùng, mọi lĩnh vực.

Trong nhiều năm qua, chúng ta vẫn lúng túng với việc tái cơ cấu nền kinh tế. Có lúc đã quá chú trọng vào công nghiệp nặng, có khi lại tập trung vào sản xuất hàng xuất khẩu, có khi lại xem trọng công nghiệp vật liệu xây dựng, gán đây lại đầu tư nhiều vào thủy điện... khiến cho việc quy hoạch định hướng và tái cơ cấu không thể thực hiện được. Tình hình ấy vẫn còn nguy cơ kéo dài trong thời gian tới. Bởi vậy, vấn đề có ý nghĩa then chốt và cấp bách lúc này là phải xác định được chiến lược quốc gia về tái cơ cấu lại nền kinh tế. Tương tự như để xây dựng và phát triển một thành phố lớn cần phải có quy hoạch tổng thể hợp lý, khoa học và phù hợp với hướng phát triển của thành phố. Việc xác lập một cơ cấu kinh tế hợp lý cũng cần có một chiến lược quốc gia về tái cơ cấu lại nền

kinh tế. Không làm được điều này, việc tái cơ cấu lại nền kinh tế của nước ta vẫn trong tình trạng “nước đến chân mới nhảy”, hoặc “chữa cháy”, thụ động, đối phó và kém chất lượng, phải trả giá cao. Có chiến lược quốc gia về tái cơ cấu nền kinh tế tốt chúng ta mới có thể giữ vững ổn định và đảm bảo tính tích cực của các cân đối vĩ mô, đảm bảo nền tảng cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế.

Một nội dung khác của giải pháp này là chú trọng hơn nữa đối với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, kết hợp giải quyết đồng bộ các vấn đề của nông nghiệp, nông dân và nông thôn một cách tổng thể và đồng bộ. Vấn đề đặt ra đối với nông nghiệp và nông thôn hiện nay là phải tạo ra giá trị gia tăng ngày càng cao, biến nông nghiệp thành sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến và thị trường. Muốn vậy, phải đưa nhanh tiến bộ khoa học, công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất lao động, chất lượng hàng hóa và khả năng cạnh tranh.

Dĩ nhiên, bên cạnh nông nghiệp và nông thôn, vấn đề phát triển công nghiệp và công nghiệp hóa các ngành kinh tế khác trên cơ sở tiến bộ khoa học công nghệ hiện đại là nội dung cơ bản của giải pháp này. Nhà nước cần có chính sách và cơ chế thích hợp để phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghệ mũi nhọn, công nghệ mới sẽ là công nghệ chủ đạo trong tương lai, phát triển các công nghệ chế tác và những lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh và xuất khẩu. Đồng thời, phải tích cực phát huy hiệu quả của các lĩnh vực công nghiệp, các khu công nghiệp đã được xây dựng nhằm tạo ra nhiều sản phẩm công nghiệp cho xuất khẩu và tiêu dùng.

Vấn đề quan trọng hiện nay, theo chúng tôi, là cần có tư tưởng đổi mới hơn nữa, phải thay đổi quan niệm đã lạc hậu cho rằng chỉ có nhà nước mới có thể làm công nghiệp, nhất là các ngành công nghiệp có công nghệ cao, hiện đại. Lúc này hơn lúc nào hết phải có cơ chế, chính sách khuyến khích và tạo điều kiện để tất cả các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tham gia làm công nghiệp, đi vào các ngành công nghệ cao sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu dùng, sản xuất các tư liệu sản xuất theo hướng hiện đại, phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ, vệ tinh cho các tập đoàn công nghiệp lớn. Cần xem việc thu hút đầu tư vào những dự án công nghiệp có công nghệ hiện đại, tiết kiệm tài nguyên, thân thiện với môi trường, phù hợp với quy hoạch quốc gia về phát triển công nghiệp là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách phát triển công nghiệp của đất nước.

Có hai lĩnh vực quan trọng gắn liền với sự phát triển công nghiệp hiện đại và cũng thuộc phạm trù phát triển công nghiệp là lĩnh vực kết cấu hạ tầng như sân bay, cảng biển, đường cao tốc, mạng lưới cung cấp điện, hạ tầng kỹ thuật ở các đô thị lớn, hệ thống thủy lợi cấp thoát nước, bưu chính viễn thông... và lĩnh vực dịch vụ. Sau khi xây dựng được quy hoạch tổng thể quốc gia về phát triển công nghiệp thì việc xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Việc này phải tiến hành đồng bộ, thậm chí có bước đi trước so với

việc xây dựng các ngành công nghiệp, các xí nghiệp, nhà máy. Tình trạng xây dựng các nhà máy, khu công nghiệp nhưng kết cấu hạ tầng không đồng bộ, kể cả kết cấu hạ tầng xã hội, đã làm cản trở sự phát triển công nghiệp, gây lãng phí tài sản quốc gia và làm nản lòng các nhà đầu tư, làm nhân dân mất tin tưởng vào năng lực quản lý lãnh đạo của Nhà nước.

Các ngành dịch vụ của ta hiện có chất lượng thấp, do vậy cần phải tạo ra bước phát triển vượt bậc để tạo nên cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại và đảm bảo phát triển bền vững. Các ngành dịch vụ có chất lượng cao ở nước ta chưa có nhiều. Hoạt động dịch vụ phải đảm bảo tính chuyên nghiệp cao là một đòi hỏi khách quan của xã hội hiện đại. Thiếu tính chuyên nghiệp các dịch vụ khó có thể có chất lượng cao, do vậy khả năng cạnh tranh sẽ kém. Vì vậy, việc tạo dựng các ngành dịch vụ có chất lượng cao, phù hợp với điều kiện và tiềm năng của đất nước, có sức cạnh tranh cao là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay. Có như vậy, *một mặt*, mới có thể đưa tốc độ tăng trưởng GDP lên mức cao hơn, đồng thời có thể tái cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở các ngành công nghệ cao và phát triển các dịch vụ chất lượng cao. *Mặt khác*, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, muốn nhanh chóng rút ngắn khoảng cách tụt hậu và thực hiện mục tiêu dân sinh nói trên thì việc phát triển các ngành dịch vụ là một lựa chọn tất yếu và tối ưu.

Tất nhiên, để phát triển công nghiệp còn có nhiều vấn đề. Nhưng ở nước ta hiện nay, những vấn đề được nêu ở đây, theo chúng tôi, là những vấn đề cấp thiết và có ý nghĩa then chốt trong giai đoạn hiện nay. Đẩy nhanh công nghiệp hóa nền kinh tế và hiện đại hóa xã hội theo hướng phát triển kinh tế tri thức, xây dựng xã hội thông tin phải trở thành quan điểm chính thức, chính thống trong giai đoạn sắp tới với độ dài vài ba thập kỷ.

Để thực hiện mục tiêu dân sinh với những nội dung tư tưởng nói trên, đương nhiên, phải thực thi đồng bộ hàng loạt các giải pháp khác cùng 2 giải pháp nói trên. Song, theo chúng tôi, trong bối cảnh hiện nay của đất nước, hai giải pháp này là hai giải pháp cần thiết trước tiên. Điều này xuất phát từ thực tiễn phát triển đất nước trong mấy thập kỷ đã qua, từ kinh nghiệm phát triển của các nước trên thế giới và từ thực tiễn hội nhập quốc tế trong thời gian gần đây. Cũng phải nhấn mạnh rằng, đây là hai giải pháp nền tảng, cơ bản và có tính then chốt. Nếu thực hiện tốt sẽ tạo đà phát triển mới cho nền kinh tế và tạo thuận lợi cho việc thực hiện các giải pháp khác(**).

Chú thích

** Bài đã đăng trên Tạp chí *Triết học*, số 1/2009.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng 1930-1945*. Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, 1977, t.3, tr.196.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.69.